

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HC-PT

Ngày: 22-6-2022

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định  
giải quyết khiếu nại trong lĩnh  
vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Sự

*Các Thẩm phán:*

Bà Thái Thị Thanh Bình

Ông Đỗ Minh Nhựt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Trần Linda - Thư ký TAND tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:** Bà Đặng Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 02/2022/TLPT-HC ngày 06/4/2022 về việc “*Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 01/2022/HC-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2022/QĐ-PT ngày 30/5/2022, giữa các đương sự:

**-Người khởi kiện:** Bà Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 1962 (*Có mặt*).

Địa chỉ: 352 Khu dân cư 6, khu phố Q1, thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Ông Nguyễn Ngọc P – Luật sư thuộc Công ty Luật hợp danh V, Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

**-Người bị kiện:** Chủ tịch UBND thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo ủy quyền: Ông T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị trấn Q2 (*Có mặt*).

**-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Công D, sinh năm 1960 (*Có mặt*).  
Địa chỉ: 352 Khu dân cư 6, khu phố Q1, thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai.

*Đại diện theo ủy quyền:* Bà Lê Thị Ngọc Q, sinh năm 1962 (*Có mặt*).  
Địa chỉ: 352 Khu dân cư 6, khu phố Q1, thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai.

2. UBND thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai.  
Địa chỉ: Khu phố H1, thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai.  
Đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Kim N – Chức vụ: Chủ tịch UBND thị trấn Q2.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thị trấn Q2 (*Có mặt*).

***Người làm chứng:***

1. Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1955 (*Vắng mặt*).  
Địa chỉ: 450 Tổ 9, Khu phố Q1, thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1967 (*Có mặt*).  
Địa chỉ: 353 Tổ 6, Khu phố Q1, thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1965 (*Vắng mặt*).  
Địa chỉ: Tổ 9, Khu phố Q1, thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai.

4. Bà Nguyễn Thị Q3, sinh năm 1952 (*Vắng mặt*).  
Địa chỉ: 39 Tổ 1, Khu phố Q1, thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai.

5. Ông Nguyễn Công C, sinh năm 1958 (*Vắng mặt*).  
Địa chỉ: 74 Tổ 2, khu phố Q1, thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông Lê Trọng X, sinh năm 1957 (*Có mặt*).  
Địa chỉ: Tổ 14, khu 8, thị trấn P1, huyện P1, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm:*

*\* Bà Lê Thị Ngọc Q là người khởi kiện đồng thời là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Công D trình bày:*

Vào ngày 24/3/1988, bà và chồng là ông Nguyễn Công D có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn K (đã chết) diện tích đất ở và ruộng tại ấp Q1 (nay là tổ 9, khu phố Q1), thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai. Khi chuyển nhượng, ông K có chỉ dẫn bà đi xác định ranh giới chứ hai bên không tiến hành đo đạc nên bà không xác định diện tích cụ thể. Hai bên xác định tứ cận như sau: Phía đông giáp

bờ suối; Phía tây giáp đất ông Phan S; Phía nam giáp Trường bỏ túc văn hóa; Phía bắc giáp đất ông Nguyễn Văn H3.

Do tại thời điểm trên, pháp luật không cho phép chuyển nhượng đất nên ông K có viết cho bà văn bản ghi ngày 24/3/1988 với nội dung tặng cho vợ chồng bà diện tích đất trên. Giấy tay trên do ông K trực tiếp viết và ký, ghi rõ họ và tên, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Vợ chồng bà đã thanh toán đầy đủ giá trị quyền sử dụng đất và ông K đã giao đất cho vợ chồng bà quản lý, sử dụng từ ngày 24/3/1988.

Cũng trong năm 1988, vợ chồng bà tiến hành xây dựng nhà ở và chuyển về sinh sống trên diện tích đất nhận chuyển nhượng của ông K. Do từ nhà bà ra đường 17/3 (hiện nay) không có đường đi nên sau khi làm nhà xong vợ chồng bà mở lối đi giáp suối từ đất nhà bà đi ra Trường bỏ túc văn hóa với chiều rộng khoảng hơn 01m, chiều dài dọc theo diện tích đất nhà bà (số liệu cụ thể thì bà không biết). Phần diện tích đất làm lối đi trên thuộc phần đất vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của ông K. Có gia đình ông Nguyễn Văn H3 và ông Hoàng L (là những hộ dân sống phía trong và cũng không có đường đi ra đường 17/3) cùng phụ gia đình bà đắp lối đi trên. Sau khi đắp lối đi xong, gia đình bà, gia đình ông L, ông H3 cùng sử dụng lối đi trên và đi vào Trường bỏ túc văn hóa để đi tắt ra đường 17/3.

Sau đó, Trường mầm non Hoa Hồng chuyển về sử dụng diện tích đất của Trường bỏ túc văn hóa và tiến hành xây tường rào, không cho đi tắt ngang qua trường để ra đường 17/3 nữa. Do không có con đường đi tắt nên bà cùng những hộ phía trong làm tiếp phần đường đi giáp giữa đất Trường mầm non X, đất ông Nguyễn Hữu N giáp suối để làm lối đi ra đường 17/3. Đất làm phần lối đi giữa Trường mầm non và suối thuộc quyền quản lý, sử dụng của nhà trường. Đất làm phần lối đi giữa đất ông N1 và suối thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông N1. Bà đã gặp trực tiếp nhà trường và ông N1 để xin đất làm lối đi và được đồng ý.

Đến ngày 16/11/1992, do muốn làm giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất trên nên bà có yêu cầu UBND thị trấn Q2 tiến hành đo đạc. Cán bộ đo đạc của UBND thị trấn Q2 tiến hành đo đạc bằng thước dây và xác định diện tích đất của vợ chồng bà là 2.909,8m<sup>2</sup>. UBND thị trấn có lập biên bản, có xác nhận của các hộ giáp ranh và chính quyền địa phương. Khi tiến hành đo đạc thì cán bộ đo đạc tiến hành đo đạc cả phần lối đi mà trước đó bà đã làm và phần diện tích đất ông bà đang sử dụng.

Năm 1997, nhà nước tiến hành đo đạc tổng thể và đo đạc lại đất của ông bà. Tại thời điểm đo đạc, vợ chồng bà không có mặt mà chỉ nghe nói lại là có cán bộ tiến hành đo đạc.

Năm 2002, ông bà tiến hành kê khai và đã được UBND huyện Q2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 3.303,2m<sup>2</sup> tại thửa 54 tờ bản đồ số 19 đứng tên vợ chồng bà. Tại thời điểm nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do

thấy diện tích được cấp lớn hơn diện tích đo đạc vào năm 1992 nên bà nghĩ vợ chồng bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất làm lối đi. Do đó, vợ chồng bà không thắc mắc, khiếu nại gì về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Cuối năm 2002, Nhà nước tiến hành làm đường từ thị trấn Q2 đến xã L1. Đường đi trên ngang qua phần đất của vợ chồng bà, diện tích làm đường đi khoảng gần 400m<sup>2</sup> (còn diện tích cụ thể thì bà không nhớ). Phần đất Nhà nước làm đường đi thuộc phần đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà, không bao gồm phần lối đi mà ông bà đã đắp.

Năm 2013, bà có hợp đồng với Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Q2 tiến hành đo vẽ thửa đất thì biết được phần diện tích đất làm lối đi trước kia không thuộc phần đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà. Tuy nhiên, do vợ chồng bà đã trồng cây xà cừ trên đất và không ai tranh chấp phần đất trên nên vợ chồng bà cũng không thắc mắc, khiếu nại gì về sự việc trên.

Đến khoảng năm 2017, gia đình ông Trần Khắc L2 sử dụng phần đất làm lối đi của gia đình bà nên giữa hai bên xảy ra tranh chấp. Ông L2 cho rằng phần đất trên là đất công cộng. Bà có tìm hiểu thì được ông Lê Hữu N2 (làm công an ấp, dẫn đoàn đo đạc vào năm 1997) cho biết tại thời điểm năm 1997 cán bộ đo đạc không đo phần lối đi của gia đình bà. Sau đó, bà khiếu nại đến UBND thị trấn Q2 yêu cầu nhận lại phần đất làm lối đi trước đây (bà không xác định được diện tích cụ thể).

Năm 2018, UBND thị trấn Q2 tiến hành hợp đồng với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Q2 đo đạc và xác định diện tích đất mà bà yêu cầu nhận lại là 103,2m<sup>2</sup> thuộc đất công cộng. Ngoài ra, UBND thị trấn còn xác định phần đất 14,7m<sup>2</sup> giáp ranh giữa đất gia đình bà và gia đình ông Nguyễn Văn H3 là gia đình bà lấn chiếm đất công cộng. Do đó UBND thị trấn Q2 ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018 thông báo kết quả giải quyết đơn của bà. Theo đó, UBND thị trấn Q2 không chấp nhận đơn yêu cầu nhận lại diện tích 103,2m<sup>2</sup> đất đường đi và buộc vợ chồng bà trả lại 14,7m<sup>2</sup> vì cho rằng ông bà lấn chiếm đất công cộng.

Bà tiến hành khiếu nại thông báo số 90/TB-UBND và được Chủ tịch UBND thị trấn Q2 ra quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 bác đơn khiếu nại của bà. Tuy nhiên, đến ngày 17/6/2019, Chủ tịch UBND thị trấn Q2 lại ra quyết định số 210/QĐ-UBND thu hồi quyết định 338/QĐ-UBND.

Ngày 31/7/2019, Chủ tịch UBND thị trấn Q2 ra quyết định số 263/QĐ-UBND bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của bà do không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Đến ngày 28/8/2019, bà khởi kiện vụ án đến Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Đến ngày 21/8/2020, bà tự nguyện rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Đến ngày 24/9/2020, bà tiến hành khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Nay bà yêu cầu hủy Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND thị trấn Q2 vì các lý do sau:

- Về thẩm quyền ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018: Theo bà việc UBND thị trấn Q2 ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018 là không đúng quy định của pháp luật. Vì thẩm quyền giải quyết đơn đề nghị cấp đất là của UBND huyện Q2.

- Về việc UBND thị trấn Q2 ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018 và Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 căn cứ vào lời khai của ông Lê Hữu N2 và ông Nguyễn Công C là không chính xác. Vì ông N2 và ông C chuyển đến khu phố Q1, thị trấn Q2 từ sau khi bà nhận chuyển nhượng đất của ông K. Do đó, ông N2 và ông C không biết được nguồn gốc đất. Bản thân ông N2 cũng đã làm đơn xác nhận nội dung khi tiến hành dẫn đoàn đo đạc vào năm 1997 thì không đo phần đường đi cũ với diện tích 103,2m<sup>2</sup> và phần bờ đắp mương nước để tránh nước chảy vào nhà với diện tích 14,7m<sup>2</sup>.

- Về việc UBND thị trấn Q2 ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018 và Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 căn cứ vào Kết quả theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 231 ngày 07/02/2018 là không chính xác vì không có bảng kê tọa độ xác định cột mốc giới, số liệu không chính xác, không có cơ sở, không đúng theo bản đồ địa chính năm 1999.

- Căn cứ vào tứ cận đất của bà theo Đơn xin chuyển quyền - ủy quyền sử dụng đất ngày 10/11/1992 đã được UBND thị trấn Q2 xác nhận. Tuy nhiên Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018 và Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 xác định đất của bà giáp đường đi công cộng và giáp mương nước công cộng là không chính xác.

- Diện tích đất 103,2m<sup>2</sup> (đất đường đi trong đất của bà cho ông Hoàng Lợi và ông Nguyễn Văn H3 đi chung) mà bà nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn K nhưng UBND thị trấn Q2 xác định là đường đi công cộng là không đúng. Đối với diện tích đất 14,7m<sup>2</sup> (là đất giáp ranh giữa đất của bà và đất ông Nguyễn Văn H3 (thuộc phần đất của bà)) là đất của bà nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn K nhưng UBND thị trấn Q2 xác định là đất lấn chiếm là không đúng. Nội dung này có những người sống tại khu phố Q1 từ trước khi bà chuyển đến sinh sống xác nhận.

*\* Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND thị trấn Q2 và của người có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn Q2, ông Nguyễn T trình bày:*

Vào ngày 07/02/2018, bà Lê Thị Ngọc Q có Bản đề nghị “Về việc xin lại sổ đất đường đi cũ” gửi UBND huyện Q2. Sau đó, UBND huyện Q2 chuyển đơn về UBND thị trấn Q2 đã tiến hành xác minh nội dung yêu cầu, làm việc với bà Q. Trên cơ sở kết quả xác minh và làm việc với bà Q, UBND thị trấn Q2 ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018.

Sau khi nhận được Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018, bà Q làm đơn khiếu nại và đến ngày 31/7/2019 Chủ tịch UBND thị trấn Q2 ban hành Quyết định số 263/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Q.

- Về thẩm quyền:

Việc ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018 là đúng quy định của pháp luật. Cụ thể: Căn cứ khoản 2 Điều 8, điểm e khoản 2 Điều 10 Luật Đất đai năm 2013 xác định thẩm quyền quản lý đất công là của UBND địa phương. Do đó, khi bà Q yêu cầu liên quan đến phần đất công nêu trên nên UBND thị trấn Q2 đã thụ lý, giải quyết.

Việc ban hành Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND thị trấn Q2 là đúng quy định tại Điều 17 và Điều 36 Luật khiếu nại 2011.

- Về hình thức: Việc ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018 và Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 là đúng quy định tại Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ nội vụ.

- Thời hiệu, thời hạn, trình tự, thủ tục ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018 và Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 là đúng quy định của pháp luật.

- Về mặt nội dung:

+ Về việc UBND thị trấn Q2 căn cứ vào lời khai của ông Lê Hữu Ninh và ông Nguyễn Công Chanh là đúng quy định. Vì những người trên căn cứ vào thông tin nắm bắt được trong quá trình sinh sống lâu năm và công tác tại địa phương và cung cấp nguồn gốc đất, quá trình quản lý đất công của địa phương cho UBND thị trấn Q2.

+ UBND thị trấn Q2 căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn K, bà Nguyễn Thị Q3 và bà Lê Thị Ngọc Q ngày 10/11/1992 thể hiện diện tích chuyển nhượng 2.909,8m<sup>2</sup>, loại đất ruộng và rẫy. Căn cứ vào hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Lê Thị Ngọc Q và ông Nguyễn Công D. Theo đó thì diện tích chuyển nhượng không bao gồm phần diện tích 103,2m<sup>2</sup> là tuyến đường công cộng và diện tích 14,7m<sup>2</sup> là tuyến mương công cộng.

+ Về việc UBND thị trấn Q2 căn cứ vào Kết quả theo Trích lục và đo vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 231 ngày 07/02/2018 là đúng quy định của pháp luật. Vì khi thực hiện giải quyết đơn yêu cầu của bà Q thì UBND thị trấn Q2 yêu cầu

Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Định Quán thực hiện đo đạc. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – chi nhánh Định Quán tiến hành đo đạc thực hiện trên cơ sở chỉ dẫn của bà Q và ông L2. Qua đó thể hiện rõ diện tích đất 103,2m<sup>2</sup> là đất đường đi cũ.

Cơ sở pháp lý để thành lập bản đồ địa chính là căn cứ vào Chỉ thị số 299 ngày 10/11/1980 của Thủ tướng và Quyết định số 201/QĐ.ĐKTK ngày 14/7/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất. Căn cứ vào bản đồ địa chính năm 1999 thì phần diện tích 103,2m<sup>2</sup> là tuyến đường công cộng và diện tích 14,7m<sup>2</sup> là tuyến đường công cộng, không thuộc quyền sử dụng đất mà Nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D và bà Q.

Từ những ý kiến trên, xác định UBND thị trấn Q2 ban hành Thông báo số 90/TB-UBND ngày 21/6/2018 và Chủ tịch UBND thị trấn Q2 ban hành Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 là đúng quy định của pháp luật.

\* Tại bản án số 01/2022/HCST ngày 25/01/2022 của TAND huyện Định Quán đã tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc Q về việc yêu cầu hủy Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND thị trấn Q2, huyện Q2, tỉnh Đồng Nai về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Lê Thị Ngọc Q ngụ tại khu phố Q1, thị trấn Q2 (lần đầu).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Ngày 26/1/2022, bà Q nộp đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

*\* Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Thẩm phán chủ tọa và các thành viên Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015; các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Ngày 10/8/2019 bà Lê Thị Ngọc Q đã nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND thị trấn Q2.

Đến ngày 28/8/2019 bà Q nộp đơn khởi kiện Quyết định trên đến Tòa án nhân dân huyện Định Quán mà không tiếp tục khiếu nại đến cấp cao hơn. Đơn khởi kiện đã được Tòa án thụ lý.

Ngày 21/8/2020 bà Q tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện do đó vụ án được TAND huyện Định Quán đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 01/2020/HC-ST ngày 21/8/2020.

Đến ngày 23/9/2020 bà Q nộp đơn khởi kiện lại đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 263/QĐ-UBND.

Như vậy, tại thời điểm bà Q nộp đơn khởi kiện lại thì đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Lễ ra TAND huyện Định Quán phải căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 để đình chỉ giải quyết vụ án, việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Từ lý do trên, Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục kháng cáo**

Người khởi kiện bà Lê Thị Ngọc Q nộp đơn kháng cáo và tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định nên kháng cáo của đương sự này được thụ lý giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa đương sự xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới.

#### **[2] Về người tham gia phiên tòa:**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện là ông Nguyễn Ngọc P nộp đơn xin vắng mặt, có gửi bài phát biểu tranh luận, người khởi kiện bà Q đồng ý với việc xét xử vắng mặt ông Phú do đó căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật tổ tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định đúng, đầy đủ.

#### **[4] Về nội dung kháng cáo**

Qua trình bày của người kháng cáo tại phiên tòa, đối chiếu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã xác định không đúng về thời hiệu khởi kiện dẫn đến vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng. Cụ thể như sau:

Ngày 10/8/2019 bà Lê Thị Ngọc Q đã nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019 của Chủ tịch UBND thị trấn Q2. Đến ngày 28/8/2019 bà nộp đơn khởi kiện Quyết định trên đến Tòa án nhân dân huyện Q2 mà không tiếp tục khiếu nại đến cấp cao hơn. Đơn khởi kiện đã được Tòa án thụ lý. Ngày 21/8/2020 bà tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện do đó vụ án được TAND huyện Định Quán đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 01/2020/HC-ST ngày 21/8/2020. Đến ngày 23/9/2020 bà nộp đơn khởi kiện lại đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 263/QĐ-UBND.



Căn cứ quy định tại theo điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính năm 2015 thì thời điểm nộp đơn khởi kiện lại của bà Q không còn nằm trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bà nhận được Quyết định hành chính số 263/QĐ-UBND ngày 31/7/2019. Như đã nêu ở trên, do bà tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện nên đây không phải sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại khoản 4 Điều 116. Việc cấp sơ thẩm nhận định bà Q nộp đơn trong thời hiệu khởi kiện luật định là không phù hợp với quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Trong vụ án, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần căn cứ điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính đình chỉ giải quyết vụ án do hết thời hiệu khởi kiện. Việc Tòa án nhân dân huyện Định Quán đưa vụ án ra xét xử là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Từ các phân tích trên, do thời hiệu khởi kiện đã hết, căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận 01 phần kháng cáo của người khởi kiện hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án.

[5] Về án phí: Do hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm cho người khởi kiện.

[6] Chi phí tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện việc xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc theo yêu cầu của bà Lê Thị Ngọc Q nên bà Q phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 6.673.975đ (Sáu triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm bảy mươi lăm đồng). Số tiền trên bà Q đã nộp xong.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa cơ bản phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 4 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Chấp nhận 01 phần kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc Q;

Hủy bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 25/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán và đình chỉ giải quyết vụ án “*Khiếu kiện Quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai*” giữa người khởi kiện bà Lê Thị Ngọc Q và người bị kiện Chủ tịch UBND thị trấn Q2.

2. Về án phí: Hoàn trả bà Lê Thị Ngọc Q 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại các biên lai thu số 0005413 ngày 22/10/2020, 0003410 ngày 26/01/2022 cùng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q2.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND T.Đồng Nai;
- Đường sự;
- TAND H;
- Chi cục THADS H;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Công Sự**